



TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ

Xác định lại khái niệm nam tính: Vai trò của nam giới và trẻ em trai trong ngăn ngừa bạo lực giới và mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam

TÓM TẮT

Bạo lực giới (BLG) và mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS) là các hình thức phân biệt giới được duy trì bởi cơ cấu quyền lực bất cân bằng và các mối quan hệ bất bình đẳng giữa nam và nữ dù ở cấp độ cá thể hay tập thể. Tuy nhiên, hai vấn đề này thường được xem là vấn đề của phụ nữ gắn liền với những mâu thuẫn trong nội bộ gia đình và chuẩn mực của các thể hệ khác nhau. Nghiên cứu gần đây thực hiện trên đối tượng nam giới và trẻ em trai cho thấy nếu can thiệp được thiết kế và triển khai tốt thì vẫn có thể thay đổi được những thái độ và thực hành mang tính phân biệt đối xử liên quan đến địa vị thấp kém cũng như sự phụ thuộc của phụ nữ vào nam giới mà dẫn đến bạo lực giới và mất cân bằng giới tính khi sinh. Những khuyến nghị trong các nghiên cứu này cần được xem xét để tạo ra chuyển biến trên toàn xã hội.

Những nghiên cứu trên¹ tập trung chủ yếu khám phá mối liên quan giữa quan niệm về nam tính, BLG và MCBGTKS ở Việt Nam đã chỉ ra rằng một ứng phó toàn diện với BLG, MCBGTKS phải bao gồm cách tiếp cận đa ngành ở tất cả các cấp (cá

1 Báo cáo tóm tắt này dựa trên các nghiên cứu sau:

- 1) 'Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về': Xu hướng, con đường hình thành lối sống bạo lực/phi bạo lực của nam giới tại thành phố Huế và huyện Phú Xuyên, Việt Nam;
- 2) Nam tính và bạo hành đối với phụ nữ;
- 3) Nghiên cứu về giới, nam tính và sự ưa thích con trai ở Nepal và Việt Nam.
- 4) Ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam;
- 5) Phân tích yếu tố nguy cơ, thuận lợi từ số liệu của TCTK và WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam;
- 6) Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam: các bằng chứng mới về thực trạng, xu hướng và những khác biệt.

nhân, gia đình, cộng đồng và chính quyền). Một phát hiện chính của những nghiên cứu này là các điều luật, chính sách và chương trình hiện tại cần có sự tham gia của nam giới và trẻ em trai nhằm thay đổi các chuẩn mực xã hội liên quan đến các vấn đề nam tính để đảm bảo công bằng giới. Nam giới thường là người quyết định trong gia đình, do vậy, họ sẽ là đối tác và tác nhân thay đổi lý tưởng. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nếu không có sự tham gia của nam giới và trẻ em trai thì khó có thể mang lại những thay đổi thực sự và bền vững trong quan hệ giới.

THÔNG TIN CHUNG

Mặc dù đã có nhiều cải thiện điều kiện học hành và cơ hội kinh tế cho trẻ em gái và phụ nữ ở Việt Nam, tuy nhiên tỉ lệ bạo lực giới vẫn còn ở mức cao và tình trạng MCBGTKS ngày một gia tăng. Chẳng hạn, TSGTKS năm 2000 của Việt Nam vẫn duy trì ở mức cân bằng sinh học – 106,2 trẻ em trai được sinh ra trên 100 trẻ em gái. Tuy nhiên, tỉ lệ này đã tăng lên 112,1 vào năm 2008 ở một số địa phương và vượt ngưỡng 120 (UNFPA 2010); Mức sinh giảm và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ lựa chọn giới tính trước sinh làm vấn đề này càng trở nên trầm trọng hơn. Lựa chọn giới tính do ưa thích con trai là hệ lụy nghiêm trọng của tình trạng bất công trong đời sống xã hội, văn hóa, chính trị và kinh tế phổ biến đối với phụ nữ và là sự vi phạm nhân quyền của phụ nữ.

Chế độ gia trưởng và các thái độ về giới ủng hộ tâm lý ưa chuộng con trai ở Việt Nam cũng làm bùng phát tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái. Nghiên cứu Quốc gia năm 2010 về Bạo lực Gia đình đối với Phụ nữ đã cho thấy nạn bạo hành gia đình ở mức cao: với tỉ lệ 32% chị em phụ nữ từ 18-60 tuổi từng trải nghiệm bạo lực về thể xác bởi chồng/bạn trai và 10% trải nghiệm bạo lực tình dục. 34% chị em trải nghiệm bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục, và 54% chị em trải nghiệm bạo lực tinh thần, ít nhất một lần trong đời. Như vậy, 58% chị em phụ nữ Việt Nam trải nghiệm các dạng bạo lực thể xác, tình dục hoặc bạo lực tinh thần từ chồng/bạn trai.

Ảnh hưởng của BLG và MCBGTKS ở Việt Nam không chỉ giới hạn ở cấp độ cá nhân và gia đình.

Nghiên cứu gần đây cũng cho thấy sự bất bình đẳng giới còn có ảnh hưởng lớn đến tốc độ phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Ước tính chi phí của bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam cho thấy chi phí thực trả và thu nhập bị mất lên tới gần 1,41% GDP (khoảng 2.536.000 tỉ đồng) năm 2010. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực có thu nhập ít hơn 35% so với những người không bị bạo hành, từ đó tiếp tục ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế quốc dân. Tổng mức năng suất lao động bị mất theo ước tính là 1,78% GDP (UN 2012). Thiệt hại do bạo lực gia đình chiếm hơn 3% GDP của Việt Nam.

“Bất bình đẳng giới và bạo lực giới ở Việt Nam được thể chế hóa và duy trì bởi những vai trò về giới trong gia đình truyền thống, cũng như trở nên trầm trọng hơn do các khó khăn về kinh tế. Kiến thức của công chúng về luật phòng chống bạo lực gia đình cũng hạn chế, qua đó cho thấy khoảng trống giữa chính sách và thực thi chính sách.”

Tài liệu cơ sở về Bạo lực giới ở Việt Nam (Văn phòng khu vực của WHO tại Tây Thái bình dương, 2011)

Cho đến nay, hầu hết các chương trình về giới ở Việt Nam đã chú trọng vào quyền và nâng cao vị thế của phụ nữ, cải cách luật pháp, bảo trợ, cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, có một điều ngày càng được nhận biết rõ là những giải pháp hiện nay về giải quyết bất bình đẳng giới vẫn chưa đủ. Chúng ta cần tăng cường các nỗ lực can thiệp để giảm tỉ lệ BLG và MCBGTKS, cũng như giảm thiểu chi phí lâu dài về nhân lực, kinh tế và y tế công.

MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH

Từ giữa những năm 2000, các chính sách nhằm giảm tình trạng bất bình đẳng giới, BLG và MCBGTKS tại Việt Nam đã được thông qua nhờ sự nỗ lực vận động của các tổ chức trong nước và quốc tế, cũng như sự hỗ trợ của các nhà tài trợ và các cơ quan của LHQ. Thông qua các chính sách này, chính phủ đã thể hiện cam kết mạnh mẽ giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới do phân biệt giới đối với phụ nữ tại Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống trong việc thực hiện cần được chú trọng giải quyết.

Ở Việt Nam, cũng như ở một số nước khác, các can thiệp BLG chủ yếu tập trung vào các ứng phó cơ bản, xây dựng khung pháp lý và hỗ trợ nạn nhân bị bạo hành. Do vậy, Việt Nam cần điều chỉnh khung khái niệm và chính sách nhằm lồng ghép các chiến lược trong công tác phòng ngừa dựa trên cách tiếp cận ứng phó để giải quyết vấn đề BLG và MCBGTKS.

LHQ tại Việt Nam đã và đang hỗ trợ chính phủ, các tổ chức xã hội, các đối tác nghiên cứu trong việc tìm ra mối liên hệ giữa các quan niệm về nam tính và phân biệt giới liên quan đến lựa chọn giới tính trước sinh và BLG, đồng thời hỗ trợ việc thu hút sự tham gia của nam giới và trẻ em trai trong giải quyết vấn đề đối xử phân biệt này. LHQ tại Việt Nam gần đây đã hỗ trợ các đối tác thực hiện các nghiên cứu nhằm cung cấp thêm những hiểu biết sâu sắc về những quan niệm văn hóa liên quan đến nam tính, thái độ và hành vi của nam giới đã liên quan như thế nào với tâm lý ưa chuộng con trai và sự hình thành bạo hành. Việc thay đổi thái độ, chuẩn mực và giá trị gây ra phân biệt đối xử là cần thiết nhằm đạt được thay đổi xã hội bền vững trong đó có sự tham gia của nam giới và trẻ em trai trong thúc đẩy bình đẳng giới và xóa bỏ phân biệt giới và bạo lực giới.



LUẬT PHÁP, CHÍNH SÁCH VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ BẠO LỰC GIỚI Ở VIỆT NAM

- Việt Nam phê chuẩn công ước CEDAW năm 1982 và đã ký kết các hiệp ước quốc tế về quyền con người cũng như các công ước về bình đẳng giới.
- Luật Bình đẳng giới (2006) thúc đẩy phổ cập bình đẳng giới và quy định rõ việc lựa chọn giới tính thai nhi là vi phạm quyền con người.
- Luật Phòng chống Bạo lực gia đình (2007) bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân bạo lực gia đình.
- Pháp lệnh Dân số (2003) và Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngăn cấm chẩn đoán và xác định giới tính thai nhi cũng như hành vi phá thai vì mục đích lựa chọn giới tính.
- Các nghị định hướng dẫn triển khai Luật Phòng chống Bạo lực gia đình được ban hành năm 2008, 2009, 2010.
- Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam được ban hành cho các giai đoạn 2001-2005 và 2006-2010.
- Chiến lược quốc gia thúc đẩy bình đẳng giới (2011-2020) nhằm nâng cao năng lực của Việt Nam trong đánh giá về bất bình đẳng giới.

CÁC GỢI Ý VỀ CHÍNH SÁCH TỪ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả của các nghiên cứu về nam tính gần đây cho thấy BLG và MCBGTKS ở Việt Nam có nguồn gốc từ bất bình đẳng giới và cũng góp phần duy trì tình trạng bất bình đẳng này. Đặc biệt, nghiên cứu chỉ ra rằng sự chuyển biến trong thái độ, niềm tin và thực hành của nam giới ở Việt Nam đồng hành với các trải nghiệm thời thơ ấu về môi trường xã hội mà ở đó giới và bạo lực giới, cũng như mức độ giáo dục và sự chấp nhận bạo hành đối với vợ, con trong gia đình được xem là hợp pháp. Khái niệm nam tính có xu hướng gắn với sức mạnh thể chất, trí tuệ, quyền lực, sự thống trị và không tham gia những việc được cho là ‘việc của phụ nữ’. Các nghiên cứu cũng khẳng định BLG và MCBGTKS là có thể ngăn chặn được, đồng thời khẳng định vai trò của chính sách trong tác động đến những yếu tố quyết định, hình thành nên thái độ và thực hành về giới.

Xã hội hóa và giáo dục

Môi trường xã hội và những trải nghiệm về bạo lực thời thơ ấu đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên thái độ của nam giới. Chẳng hạn, trải nghiệm với bạo lực trong thời thơ ấu là một trong những yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến hành vi ngược đãi vợ khi trưởng thành (ICRW, ISDS, 2011:63). Tương tự, trong số những học sinh được khảo sát trong nghiên cứu ‘*Nam tính và bạo lực đối với phụ nữ*’, những em từng chịu cảnh ngược đãi lúc còn nhỏ có xu hướng có thái độ ít bình đẳng giới hơn. Mặt khác, bối cảnh và mối quan hệ trong gia đình cũng là những yếu tố quan trọng hình thành nên các phương thức giải quyết mâu thuẫn phi bạo lực, tích cực, bảo đảm cơ hội và quyền bình đẳng giữa trẻ em trai và trẻ em gái (UNFPA, UN Women, P4P, 2012:41). Thực tế, số liệu từ cả ba nghiên cứu trên cho thấy những nam giới có tuổi thơ êm ấm, có cha mẹ không có hành vi bạo lực và biết quan tâm đến con cái thường có xu hướng cho rằng nam tính không phải là bạo lực và gia trưởng.

Mối quan hệ giới bất bình đẳng là một yếu tố góp phần hạn chế sự tham gia của nam giới trong nuôi dạy con cái và công việc gia đình cũng như góp phần vào bạo lực có thể xảy ra trong gia đình

Chủ đề thứ hai được các nghiên cứu quan tâm nhiều là mối liên hệ giữa BLG, thái độ bất bình đẳng giới và các thực hành của nam giới trong môi trường gia đình. Trong cả hai nghiên cứu ‘*Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về*’ và ‘*Nam tính và bạo lực đối với phụ nữ*’, bạo lực đều được coi là một công cụ hợp pháp để duy trì kỷ luật đối với con cái và là một cách hành xử cần thiết của chồng đối với vợ, miễn là điều đó xảy ra ở trong gia đình riêng.

“*Nam giới có một vai trò vô cùng quan trọng, họ có thể là người làm cha, những người bạn, người ra quyết định, người lãnh đạo cộng đồng hay tôn giáo trong việc kêu gọi chống lại bạo lực đối với phụ nữ và đưa ra các ưu tiên cho vấn đề này. Quan trọng hơn, nam giới có thể đưa ra những mô hình tích cực về các nam thanh thiếu niên, những mẫu hình tích cực về nam tính.*”

(Chiến dịch xóa bỏ BL đối với PN và trẻ em gái của LHQ, 2009)

Cả ba nghiên cứu về nam tính trên cũng đều cho rằng đưa các vấn đề về giới, bạo lực, bất bình đẳng ra thảo luận trong môi trường cộng đồng và thay đổi các thực hành của nam giới trong môi trường gia đình là những giải pháp chính để giảm thiểu những lối hành xử có hại trong gia đình. Thực tế, những trẻ em trai có người cha làm việc nhà, trông nom con cái hay đã từng nói chuyện với cha mẹ về vấn đề tình dục và giới, thường có thái độ bình đẳng giới hơn. Các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy những nam giới từng tiếp xúc với các thông tin, giáo dục, truyền thông về các vấn đề BLG có xu hướng ít bạo lực hơn (UNFPA, UN Women, P4P, 2012:48).

Nam giới và quan niệm về nam tính khá đa dạng, nhiều chiều và có thể thay đổi



‘*Nghiên cứu về Giới, Nam tính và sự ưa thích con trai ở Nepal và Việt Nam*’ cho thấy trình độ học vấn, điều kiện sống, địa vị kinh tế-xã hội, vị trí địa lý và trải nghiệm thời thơ ấu về bất bình đẳng giới có vai trò trong việc hình thành nên thái độ của nam giới và phụ nữ theo hướng ưa thích con trai. Số liệu từ nghiên cứu ‘*Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về*’ cho thấy quan niệm của nam giới và phụ nữ về nam tính cũng thay đổi theo thời gian, tùy thuộc vào các yếu tố kinh tế, gia đình/xã hội và tuổi tác (UNFPA, UN Women, P4P, 2012:17). Tuy nhiên, cả hai nghiên cứu trên cũng đều cho thấy một số nam giới có xu hướng bạo lực đối với vợ/bạn gái cũng có những quan niệm tích cực về phi bạo lực, chia sẻ việc nhà, cũng như ủng hộ sự tham gia bình đẳng nam nữ trong xã hội. Nghịch lý này cho thấy sự phức tạp cho các nỗ lực duy trì thái độ và thay đổi hành vi về bình đẳng giới. Báo cáo kết luận rằng

muốn đạt được hiệu quả trong công tác phòng ngừa bạo lực giới, cần phải có chính sách huy động sự tham gia của nam giới và trẻ em trai, cùng với phụ nữ và trẻ em gái, cũng như khuyến khích các mối quan hệ phi bạo lực và bình đẳng, thông qua các mô hình chuyển đổi hình ảnh nam giới và quan niệm nam tính để tạo sự cam kết về bình đẳng giới, đả phá những những tư tưởng cổ hủ có xu hướng đàn áp phụ nữ. (UNFPA, UN Women, P4P, 2012).

ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

1) **Đẩy mạnh các chính sách giáo dục và khuyến khích quan niệm tích cực về nam tính**

Trường học là nơi mà các quan niệm về giới được học hỏi, thực hành và củng cố. Tại đây, sự giáo dục và các cơ hội cho tương lai của nam sinh và



nữ sinh được phát triển. Vì thế, cần thiết phải lồng ghép vào trong các chương trình giáo dục chuyển biến về giới nhằm trang bị cho các em nam sinh và nữ sinh kiến thức về bình đẳng giới, không bạo lực, quan hệ lành mạnh và các vấn đề khác nhau liên quan đến tình dục. Cần hợp tác với giáo viên để cùng với họ thúc đẩy bình đẳng giới. Các chính sách vì thế cần phải quy định các hoạt động cụ thể nhằm thúc đẩy bình đẳng giới ngay từ chương trình đào tạo ở độ tuổi mầm non cho đến đại học, trong đó có sự tham gia của trẻ em trai và trẻ em gái, nam giới và phụ nữ một cách phù hợp.

2) Truyền thông rộng rãi các khái niệm tích cực về nam tính

Các khái niệm tích cực về nam tính cũng cần được khuyến khích thông qua sự bao phủ rộng khắp của các kênh truyền thông và văn hóa đại chúng. Lồng ghép các đặc tính nam giới tích cực vào trong các chương trình phim truyền hình nhiều tập, các chương trình kể chuyện trên đài phát thanh, các vở kịch trong các buổi diễn văn hóa văn nghệ quần chúng và các câu chuyện mới là một cách để tuyên truyền rộng rãi đến vấn đề về chuẩn mực xã hội và chuẩn mực giới.

3) Khuyến khích nam giới tăng cường đảm nhiệm vai trò người chăm sóc và làm việc nhà.

Mối quan hệ và môi trường trong gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên những cách thức giải quyết mâu thuẫn phi bạo lực, cũng như tạo ra các cơ hội và quyền bình đẳng cho trẻ em trai và trẻ em gái. Vì vậy, cần có các chương trình nhằm khuyến khích, nuôi dưỡng cách hành xử lành mạnh của cha mẹ, cũng như khuyến khích đối xử bình đẳng giữa con trai và con gái, đặc biệt là người cha. Chẳng hạn, chế độ nghỉ cho người chồng khi vợ nghỉ thai sản cũng có khả năng tác động làm thay đổi quan điểm của xã hội về vai trò của nam giới không chỉ là người chu cấp cho gia đình, đây cũng là biện pháp thiết thực và cũng nhằm khích lệ để nam giới tham gia tích cực và bình đẳng hơn vào việc nuôi dạy con cái và công việc gia đình. Các chiến dịch truyền thông liên quan có thể thảo luận cởi mở hơn và nâng cao nhận thức về những vấn đề giới liên quan đến bạo lực giới, tâm lý ưa thích con trai, cũng như Luật Phòng chống Bạo lực gia đình.

4) Chính sách cấp trung ương, địa phương và sự tham gia của cộng đồng đặc biệt là nam giới trong thúc đẩy bình đẳng giới.

Cần triển khai triệt để và thúc đẩy các chính sách và chương trình từ trung ương cho đến địa phương nhằm khuyến khích nam giới tham gia vào thúc đẩy bình đẳng giới, xóa bỏ dần những tập tục văn hóa, xã hội và các thực hành tôn giáo gây ra bất bình đẳng giới. Các chính sách phối kết hợp, đa ngành về BLG và bất bình đẳng giới có thể tác động đến nhiều mặt của mối quan hệ tương tác giữa giới và phân biệt đối xử giới trong cuộc sống, như sức khỏe, giáo dục, quan hệ xã hội, cơ hội kinh tế, sự an toàn, sự bảo vệ của pháp luật và nhân quyền. Nên xem xét để lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào chính sách giáo dục quốc gia và các sáng kiến về chính sách lao động.

5) Tăng cường hơn nữa thực thi luật pháp, triển khai chương trình can thiệp về BLG và MCBGTKS

Tuy Việt Nam đã ban hành các luật giải quyết tình trạng bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình và MCBGTKS, song việc thực thi vẫn còn hạn chế, với tỷ lệ của BLGD và MCBGTKS vẫn còn ở mức cao. Việt Nam cần phổ biến nâng cao nhận thức của tất cả các ban ngành liên quan về các luật pháp hiện hành và tăng cường nguồn lực để triển khai chương trình.

6) Vận động phân bổ ngân sách quốc gia cho phòng chống BLG và MCBGTKS

Một nguồn ngân sách quốc gia độc lập dành riêng cho công tác phòng chống BLG, MCBGTKS sẽ giúp công tác điều phối, phối hợp giữa các ban ngành có chức năng giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới tốt hơn, tạo động lực cho việc thực hiện toàn diện các chính sách thông qua tăng cường năng lực cho các chương trình bổ sung, kể cả các nghiên cứu và phân tích, tham vấn, giám sát và đánh giá.

LĨNH VỰC CẦN HÀNH ĐỘNG

- 1. Đẩy mạnh các chính sách giáo dục và khuyến khích quan niệm tích cực về nam tính**
- 2. Truyền thông rộng rãi các khái niệm tích cực về nam tính**
- 3. Khuyến khích nam giới tăng cường đảm nhiệm vai trò người chăm sóc và làm việc nhà**
- 4. Có chính sách cấp trung ương, địa phương và sự tham gia của cộng đồng đặc biệt là nam giới trong thúc đẩy bình đẳng giới.**
- 5. Tăng cường hơn nữa thực thi luật pháp, triển khai chương trình can thiệp về BLG và MCBGTKS**
- 6. Vận động phân bổ ngân sách quốc gia cho phòng chống BLG và MCBGTKS**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW, 2011). Khảo sát về Giới, Nam tính và Sự ưa thích con trai ở Nepal và Việt Nam (*Study on Gender, Masculinity and Son Preference in Nepal and Viet Nam*), cùng với Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS).

Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW, 2008). Bảy Ưu tiên, Bảy năm Thực hiện: Tiến độ thực hiện Bình đẳng Giới (*Seven Priorities, Seven Years to Go: Progress on Achieving Gender Equality*), ICRW, Washington, DC.

Chương trình Hợp tác Phòng ngừa (P4P, 2012). Phân tích yếu tố nguy cơ và thuận lợi từ số liệu của TCTK và WHO về sức khỏe phụ nữ và bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam (*Risk and protective factor analysis of GSO and WHO data on women's health and domestic violence against women in Vietnam*).

Paz y Desarrollo (PyD, 2012). Nam tính và Bạo lực đối với phụ nữ (*Masculinities and Violence against Women*).

UNFPA (2009), Những biến đổi gần đây về tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam: Tổng quan các bằng chứng (*Recent Change in the Sex Ratio at Birth in Viet Nam: A Review of Evidence*).

UNFPA (2010), Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam: Bằng chứng mới về thực trạng, xu hướng và những khác biệt (*Sex Ratio at Birth in Viet Nam: New evidence on patterns, trends and differentials*).

UNFPA, (2012). Mất cân bằng giới tính khi sinh: Xu hướng hiện nay, hậu quả, ảnh hưởng đến chính sách (*Sex Imbalances at Birth: Current Trends, Consequences and Policy Implications*).

UNFPA, UN Women & Chương trình Hợp tác Phòng ngừa (2012), 'Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về': Xu hướng, các con đường hình thành lối sống bạo lực, phi bạo lực của nam giới ở Việt Nam (*Teach the wife when she first arrives' Trajectories and pathways into violent and non-violent masculinities in Viet Nam*).

UN (2012), Ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam (*Estimating the Costs of Domestic Violence Against Women in Viet Nam*), với sự hỗ trợ của UNiTE, AusAID, IFG.

USAID (2012), Phân tích các hoạt động khắc phục tình trạng bạo lực giới ở 3 quốc gia (*Analysis of Services to Address Gender-based Violence in Three Countries*). Arlington, VA: Ban Hỗ trợ AIDS và hỗ trợ kỹ thuật của USAID, AIDSTAR-One, Nhóm công tác 1.

Văn phòng khu vực của WHO ở Tây Thái bình dương (2011), 'Bạo lực giới ở Việt Nam: Tăng cường can thiệp thông qua đánh giá, tác động đến các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe' (*'Gender-based violence in Viet Nam: Strengthening the response by measuring and acting on the social determinants of health'*), Dự thảo tài liệu cơ sở 4C – Hội nghị Thế giới về các Yếu tố xã hội có ảnh hưởng tới Sức khỏe, Rio De Janeiro, Brazil 19-21/10/2011.

Ảnh: Liên Hợp Quốc tại Việt Nam/Aidan Dockery

Ảnh trang 5: Bộ VHTTDL/Lương Thăng Long

LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: 25-29 Phan Bội Châu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội, ĐT: +84 4 39421495, Fax: +84 4 3942 2267

Email: info@un.org.vn; Web: <http://vn.one.un.org/>

www.facebook.com/uninvietnam; www.youtube.com/unvietnam